

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 02 - 2021

V/v “Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyên;
2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

-Thư ký phiên tòa: Bà Cao Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HN, ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HN, ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Thị T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* **Võ Duy K**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Trần Thị T (sau đây gọi chị T) trình bày: giữa chị và bị đơn Võ Duy K (sau đây gọi anh K) qua tìm hiểu nhau, tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2019 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị không quan tâm lo lắng cho gia đình, vợ con mà hay chơi bời, từ đó bất đồng quan

điểm sống nên vợ chồng hay cãi vã nhau, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ khoảng tháng 5 năm 2020. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh K.

-Về con chung: có một người con chung tên Trần Khánh N (nữ), sinh ngày 27 tháng 8 năm 2020, chị đang nuôi con. Nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu anh K cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Võ Duy K vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: chị T và anh K tự nguyện tiến tới đời sống chung như vợ chồng vào năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: trong thời gian chung sống giữa chị và anh K phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng không có biện pháp để hòa giải đoàn tụ mà đã chọn cách sống ly thân, tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện để anh, chị được đoàn tụ và tiến tới đăng ký kết hôn theo quy định nhưng anh K không đến Tòa án. Trong khi tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh K và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Tuy nhiên, do hôn nhân giữa anh, chị không đăng ký kết hôn nên khi có yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận anh, chị là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: có một người con chung, chị T có yêu cầu được nuôi con. Xét cháu Như chưa được 36 tháng tuổi. Theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp*

nuôi”. Ngoài ra cũng không có căn cứ nào chứng minh là chị T không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, nhằm tranh gây xáo trộn đời sống của cháu, cần giao cháu N cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh K có yêu cầu khác. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh K mà không ai có quyền cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T chưa yêu cầu anh K cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản và nợ chung: chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147 ; khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 14, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T với anh Võ Duy K.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Trần Khánh N (nữ), sinh ngày 27 tháng 8 năm 2020 cho chị Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi anh K, chị T có yêu cầu khác.

Anh Võ Duy K chưa phải cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh K mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005897, ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã A, h.H. t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm